

NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG THU MUA XANH TÁC ĐỘNG TỚI HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

● LƯU HUỖNH

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xem xét tác động thực tiễn các hoạt động thu mua xanh (GPP) đến hiệu quả tài chính (FP) và hiệu suất môi trường (EP) của các doanh nghiệp (DN) dệt may trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh các DN đang phải đối mặt với áp lực từ các bên liên quan và yêu cầu của phát triển bền vững. Kết quả cho thấy, GPP có tác động tích cực đến cả EP và FP. Do đó, các DN dệt may cần thực hiện thu mua xanh để đạt được lợi ích bền vững cả về tài chính và môi trường.

Từ khóa: thu mua xanh, thực hành thu mua xanh, hiệu suất hoạt động doanh nghiệp, thành phố Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Môi trường ô nhiễm, sự nóng lên của trái đất đã và đang là vấn đề mà nhân loại đang phải đối mặt, một trong những nguyên nhân chính của hiện tượng này do sự gia tăng quá mức hoạt động của con người, trong đó có hoạt động sản xuất và tiêu dùng tạo ra chất thải gây ô nhiễm môi trường dẫn đến nhiệt độ bề mặt trái đất nóng dần lên. Đứng trước bối cảnh đó, nhiều ngành trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã và đang sắp xếp lại các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường và coi đó là chiến lược trọng tâm quyết định đến sự phát triển bền vững, ngành Dệt may

cũng không phải ngoại lệ. Do đó, việc tăng cường triển khai và áp dụng các hoạt động thu mua xanh, cũng như nghiên cứu mối liên hệ giữa các hoạt động đó tới hiệu suất hoạt động của các DN dệt may trên địa bàn thành phố Hà Nội là giải pháp hữu hiệu góp phần bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và nâng cao hiệu suất hoạt động cho các DN dệt may Hà Nội hướng đến phát triển bền vững.

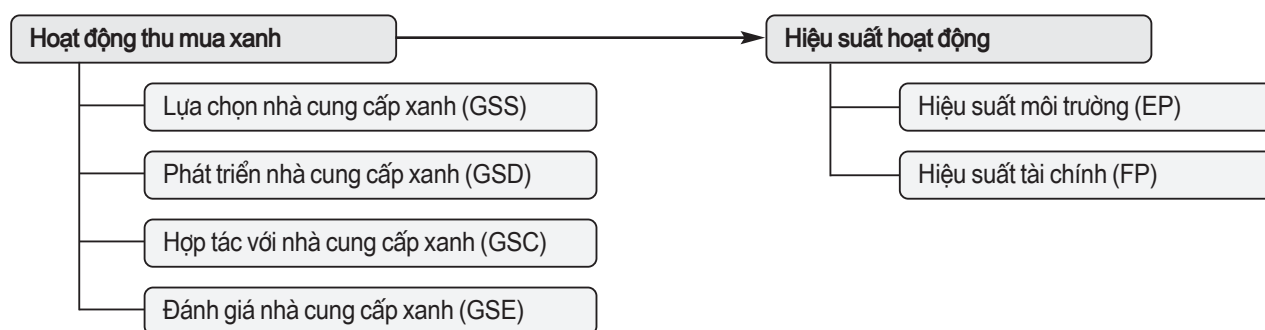
2. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

Tác giả sử dụng nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng như phân tích độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, CFA, kiểm định sự phù hợp của mô

hình lý thuyết, phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Nguồn dữ liệu được thu thập từ 300 phiếu khảo sát hợp lệ.

Mô hình nghiên cứu: Trên cơ sở kế thừa công trình nghiên cứu của Yee, F. M và cộng sự (2021); Balin, A. I., và Sari, K. (2023). Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau: (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Giả thuyết nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu của Balin, A. I., và Sari, K. (2023), tác giả đưa ra các giả thuyết sau:

H: Hoạt động thu mua xanh có tác động thuận chiều đến hiệu suất hoạt động của DN

H1a: GSS có tác động thuận chiều đến EP; H1b: GSD có tác động thuận chiều đến EP

H1c: GSC có tác động thuận chiều đến EP; H1d: GSE có tác động thuận chiều đến EP

H2a: GSS có tác động thuận chiều đến FP; H2b: GSD có tác động thuận chiều đến FP

H2c: GSC có tác động thuận chiều đến FP; H2d: GSE có tác động thuận chiều đến FP.

3. Kết quả nghiên cứu

Đánh giá độ tin cậy và phân tích EFA: Dựa trên phương pháp nghiên cứu định lượng, tác giả đã tiến hành kiểm tra độ tin cậy và tính hợp lệ của các biến được thành lập dựa trên bảng hỏi bằng phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy các biến quan sát đều được giữ lại với độ tin cậy cao. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho 4 biến độc lập gồm: GSS, GSD, GSC, GSE với 22 biến quan sát và của nhóm biến phụ thuộc EP và FP với 10 biến quan sát. Dựa trên kết quả phân tích EFA, Các biến quan sát được gom nhóm hợp lý theo các nhân tố, chứng tỏ thang đo có

giá trị hội tụ và phân biệt. Như vậy, sau khi thực hiện phân tích cronbach alpha và EFA, ta thu được 4 biến độc lập và 2 biến phụ thuộc với các thang đo được hình thành như kỳ vọng.

Phân tích nhân tố khẳng định CFA: Từ kết quả phân tích EFA với các nhóm thang đo tương ứng tạo thành mô hình đo lường các khái niệm và được đưa

vào phân tích CFA để xem xét sự phù hợp của mô hình với dữ liệu nghiên cứu. Kết quả phân tích CFA cho thấy chỉ số CMIN/DF = 1.052 (<2), TLI và CFI = 0.997; GFI = 0.914 (>0.9), RMSEA = 0.013 (< 0.08) đều phù hợp. Do vậy, mô hình phù hợp hay tương thích với dữ liệu nghiên cứu. Đánh giá 3 chỉ số về sự tin cậy kết quả cho thấy các CR > 0.5; AVE > 0.5 và Cronbach Alpha đều thỏa mãn. Do đó các thang đo lường được đánh giá tin cậy (Hair & cộng sự 1995; Nunnally, 1978).

Kiểm định giá trị hội tụ: Thang đo được xem là đạt giá trị hội tụ khi các trọng số chuẩn hóa của các thang đo lớn hơn 0.5 và có ý nghĩa thống kê (Gerbring & Anderson, 1988; Hair & cộng sự, 1992). Ngoài ra, còn một tiêu chí khác để kiểm tra giá trị hội tụ đó là AVE của các khái niệm. Fornell và Larcker (1981) cho rằng, để nhân tố đạt giá trị hội tụ thì AVE đạt từ khoảng 0.5 trở lên. Kết quả phân tích cho thấy, tất cả các hệ số đã chuẩn hóa đều lớn hơn 0.5; đồng thời các AVE đều lớn hơn 0.5 nên có thể kết luận các nhân tố đạt giá trị hội tụ.

Kiểm định giá trị phân biệt: Giá trị phân biệt được đánh giá qua những tiêu chí: (1) Đánh giá hệ số tương quan giữa các nhân tố có khác biệt với 1

hay không, (2) theo tiêu chuẩn Fornell và Larcker cần so sánh giá trị căn bậc 2 của AVE với các hệ số tương quan của một nhân tố với các nhân tố còn lại. Kết quả cho thấy, hệ số tương quan giữa các cặp nhân tố là khác biệt so với 1 ở độ tin cậy 95%. (Bảng 1)

Trong đó: Các con số trên đường chéo là căn bậc hai của AVE

So sánh giá trị căn bậc 2 của AVE ở Bảng 1 với

các hệ số tương quan giữa các nhân tố, kết quả cho thấy đều lớn hơn tất cả giá trị tuyệt đối của hệ số tương quan giữa nó với các nhân tố khác. Do đó, từ các kết quả trên có thể khẳng định các nhân tố hay thang đo đạt giá trị phân biệt.

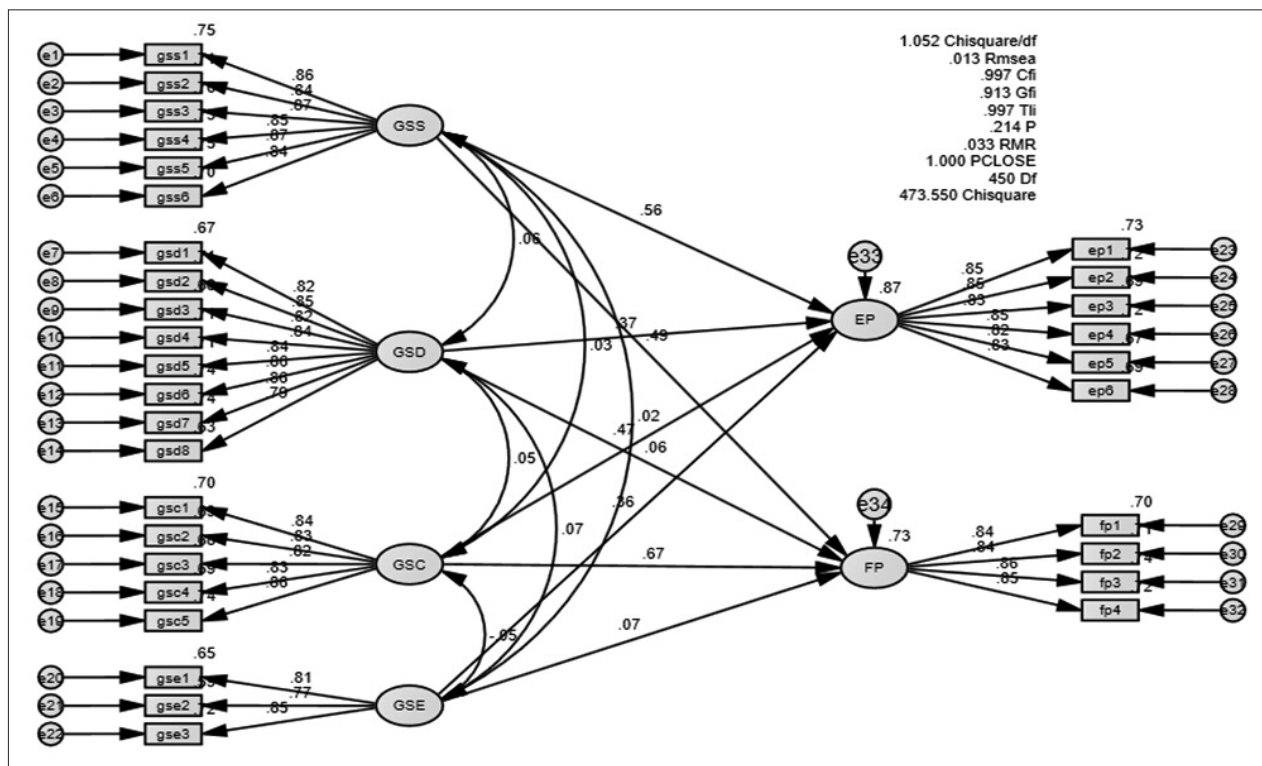
Kiểm định sự phù hợp của mô hình lý thuyết: Sau khi phân tích CFA, tác giả sử dụng mô hình cấu trúc SEM nhằm xác định các động thu mua xanh tác động đến hiệu suất hoạt động của DN. Kết quả

Bảng 1. Ma trận tương quan giữa các nhân tố và tổng phương sai rút trích trung bình (AVE)

	AVE	MSV	GSS	GSD	GSC	GSE	EP	FP
GSS	0.734	0.368	0.857					
GSD	0.699	0.199	0.061	0.836				
GSC	0.698	0.476	0.030	0.048	0.836			
GSE	0.654	0.136	0.019	0.065	-0.052	0.808		
EP	0.703	0.448	0.607***	0.446***	0.490***	0.369***	0.838	
FP	0.718	0.476	0.523***	0.133*	0.690***	0.057	0.669***	0.847

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả

Hình 2: Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM



Bảng 2. Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Mối quan hệ/Đường dẫn (paths)			Hệ số chưa chuẩn hóa (Regression Weights)	S.E.	C.R.	P-value	Hệ số chuẩn hóa (Standardized Weights)
EP	<---	GSS	0.697	0.05	13.93	***	0.562
EP	<---	GSD	0.39	0.039	10.078	***	0.366
EP	<---	GSC	0.488	0.04	12.105	***	0.471
EP	<---	GSE	0.378	0.04	9.407	***	0.358
FP	<---	GSS	0.601	0.055	10.935	***	0.495
FP	<---	GSD	0.067	0.041	1.649	0.099	0.064
FP	<---	GSC	0.681	0.052	12.985	***	0.672
FP	<---	GSE	0.076	0.042	1.81	0.07	0.074

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra của tác giả

phân tích SEM cho thấy chỉ số CMIN/DF =1.052 (<2), TLI và CFI =0.997; GFI=0.913 (>0.9), RMSEA=0.013 (< 0.08). Như vậy, mô hình lý thuyết là phù hợp. (Hình 2)

Sau khi xem xét độ phù hợp của mô hình, tác giả tiến hành đánh giá kết quả phân tích SEM. (Bảng 2)

4. Kết luận

Kết quả cho thấy hoạt động thu mua xanh đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu suất hoạt động của các DN dệt may tại Hà Nội. Trong đó hoạt động hợp tác với nhà cung cấp xanh (GSC) và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp xanh (GSS) có tác động mạnh nhất đến hiệu suất tài chính (FP),

đồng thời các hoạt động thu mua xanh đều có ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất môi trường (EP). Những kết quả này cho thấy việc áp dụng các hoạt động thu mua xanh không chỉ giúp DN nâng cao hiệu suất môi trường mà còn mang lại lợi ích tài chính. Điều này đặc biệt quan trọng đối với ngành Dệt may tại Hà Nội, nơi các DN ngày càng phải đối mặt với áp lực từ khách hàng, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất bền vững. Việc thúc đẩy thu mua xanh không chỉ là một lựa chọn mà đã trở thành một nhu cầu tất yếu để DN duy trì lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững trong bối cảnh thị trường ngày càng chú trọng đến yếu tố môi trường ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Balin, A. I., & Sari, K. The Effect of Green Purchasing Practices on Financial Performance under the Mediating Role of Environmental Performance: Evidence from Türkiye. *Sustainability*, 15(4), 3617 (2023).
- Yee, F. M., Shaharudin, M. R., Ma, G., Zailani, S. H. M., & Kanapathy, K. Green purchasing capabilities and practices towards Firm's triple bottom line in Malaysia. *Journal of Cleaner Production*, 307, 127268 (2021).
- Appolloni, A., Sun, H., Jia, F., & Li, X. Green Procurement in the private sector: a state of the art review between 1996 and 2013. *Journal of Cleaner Production*, 85, 122-133 (2014).

Lai, R. S., Hsu, L. L., & Chen, J. C. Green supply chain management systems: A case study in the textile industry. *Human systems management*, 31(2), 111-121. (2012).

Srisawat, S., & Srisawat, N. The effect of green supply chain management practices on the sustainable performance of the textile industry. *International Journal of Supply Chain Management*, 9(2), 300-308 (2020).

Ngày nhận bài: 13/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/1/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/2/2025

THE IMPACT OF GREEN PROCUREMENT PRACTICES ON THE PERFORMANCE OF TEXTILE ENTERPRISES IN HANOI

● **LUU HUYNH**

University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

This study investigates the practical impact of Green Procurement Practices on the financial and environmental performance of textile enterprises in Hanoi, amidst growing stakeholder pressures and sustainability demands. The findings suggest that Green Procurement Practices positively influences both environmental and financial outcomes, highlighting the potential for textile enterprises to enhance sustainability while achieving better financial performance. Based on these results, the study recommends the adoption of Green Procurement Practices to foster long-term benefits in both economic and environmental dimensions.

Keywords: green procurement, Green Procurement Practices, business performance, Hanoi.